

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ngày tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của Công ty và các đơn vị vào thuê văn phòng, nhà xưởng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp (phía Bắc dự án), giáp đường Quốc lộ 37.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp (phía Bắc dự án), giáp đường Quốc lộ 37, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3^0): X(m): 2311621; Y(m): 635916.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $15 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; $0,625 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý theo đường ống PVC D150 dài 45 m sẽ đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp (phía Bắc dự án), giáp đường Quốc lộ 37.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24/24h

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/ BTNMT, mức B	Giá trị cho phép C _{max} (hệ số k = 1,2)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	5-9	Cơ sở không nằm trong danh mục các dự án cần quan trắc định kỳ chất lượng nước thải.
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	36	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	60	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	600	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0	1,2	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5,0	6,0	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30	36	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	12	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5,0	6,0	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6,0	7,2	
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ qua bể phốt thu gom bằng đường ống thu gom PVC D200 dài 100 m, độ dốc 0,2% tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15 m³/ngày đêm của Công ty.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn → Bể thu gom → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Mương thoát nước chung của CCN (phía Bắc dự án), giáp đường Quốc lộ 37.

- Công suất thiết kế: 15 m³/ngày đêm

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Nhận chuyển giao và đào tạo nhân lực để vận hành trạm xử lý nước thải theo hướng dẫn của nhà cung cấp hệ thống và thiết bị; vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị; luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao để kịp thời thay thế khi hỏng hóc; bố trí công nhân chịu trách nhiệm vận hành liên tục theo dõi, ghi chép vào sổ nhật ký vận hành đối với từng hệ thống, khi phát hiện sự cố báo cáo ngay với người chủ quản để đưa ra giải pháp khắc phục kịp thời.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ngày tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải như xe nâng, xe tải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

(Vị trí tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°).

X(m): 2311635; Y(m): 635924

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ ÷ 21 giờ	Từ 21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ ÷ 21 giờ	21 giờ ÷ 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Nhà xưởng và hệ thống máy móc sản xuất đảm bảo độ ồn và rung động đạt quy chuẩn cho phép và đảm bảo khả năng cách âm giữa khu vực sản xuất với làm việc cũng như khu vực ngoài của Cơ sở.

- Che chắn nhà xưởng để làm giảm độ ồn ra môi trường xung quanh, kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bằng cách bảo dưỡng, bôi trơn.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc thiết bị. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4 - 6 tháng/lần, thiết bị cũ là 3 tháng/lần.

- Đơn vị có chế độ bảo dưỡng máy móc thường xuyên, chống mòn các chi tiết quay, gây ồn. Chi tiết hỏng do mòn, rỉ sẽ được thay thế kịp thời.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ngày tháng 7 năm 2022 của Ủy ban thành phố Hải Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau, găng tay thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	350	18 02 01
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	11	18 01 02
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	10	18 01 03
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	2	16 01 06
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	2	19 06 02
Tổng			375	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bìa carton, giấy rách, hỏng	Rắn	50	18 01 05
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Bùn	1.000	12 06 13
3	Giẻ lau, vải bảo vệ không dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	30	18 02 02
Tổng			1.080	

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Rác thải sinh hoạt chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy vụn, vỏ hộp bánh phát sinh khoảng 2,6 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 03 thùng chứa chất liệu HDPE dung tích 120 lít/thùng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 20 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Xây tường gạch, mái lợp tôn, có gắn biển báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng chứa chất liệu HDPE dung tích 50 lít xung quanh nhà xưởng

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong nhà: 10 m²

- Thiết kế, cấu tạo khu vực lưu chứa trong nhà: Xây tường gạch, mái lợp tôn, có gắn biển báo theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 04 thùng nhựa HDPE loại 120 lít xung quanh nhà xưởng; 02 thùng nhựa HDPE 60 lít khu vực nhà ăn ca và 02 thùng nhựa HDPE loại 10 lít khu vực văn phòng.

- Hợp đồng vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với đơn vị có chức năng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

1.1. Biện pháp phòng cháy

- Công nhân trực tiếp sản xuất phải: quản lý chặt chẽ các nguồn nhiệt, các thiết bị máy móc khi hoạt động có thể sinh lửa, nhiệt, các chất sinh lửa, nhiệt. Khi sử dụng phải có các biện pháp an toàn; thao tác vận hành máy móc, thiết bị đúng quy trình, thường xuyên kiểm tra các bộ phận sinh nhiệt, thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị máy móc; nắm vững các tính chất, đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ của các loại nguyên vật liệu, vật tư hóa chất có trong cơ sở.

- Bảo quản, sắp xếp các loại hàng hóa, vật tư thiết bị, hóa chất, nguyên vật liệu theo đúng quy định và theo từng loại riêng biệt. Không sắp xếp chung các loại vật tư, nguyên liệu, hàng hóa mà khi tiếp xúc với nhau có thể tạo phản ứng gây cháy, nổ.

- Bố trí các thiết bị và nguyên liệu có tính chất nguy hiểm về cháy, nổ tại những khu vực khác nhau. Đảm bảo các khoảng cách an toàn về PCCC.

- Định kỳ tổ chức tập huấn kiến thức PCCC cho cán bộ công nhân viên và kiểm tra đôn đốc mọi người thực hiện nghiêm túc an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy bên ngoài.

- Tổ chức phối hợp với cơ quan chức năng về PCCC phổ biến kiến thức, huấn luyện thực hành định kỳ hàng năm cho các cán bộ công nhân viên tại Cơ sở về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ khi có sự cố xảy ra.

- Cấm hút thuốc, sử dụng các vật dụng phát ra lửa tại các khu vực dễ cháy nổ, đảm bảo cách ly an toàn.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ vận hành máy móc, công nghệ theo đúng quy trình của nhà sản xuất.

- Các thiết bị, các đường dây điện đảm bảo độ an toàn do nhà sản xuất quy định cũng như các quy định chung về chung về cách điện, cách nhiệt. Mỗi thiết bị điện đều có một cầu dao điện riêng độc lập với các thiết bị khác.

- Phối hợp với các cơ quan PCCC để trang bị đầy đủ các thiết bị và bố trí lắp

đặt tại các khu vực có nguy cơ dễ phát sinh cháy nổ tại những nơi cần thiết.

- Chấp hành nghiêm túc các quy định về phòng chống cháy nổ theo quy định.
- Thành lập đội PCCC trong Công ty.
- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện và có biện pháp khắc phục kịp thời những sơ hở, thiếu sót về công tác PCCC.

1.2. Biện pháp chữa cháy

- Khi phát hiện có sự cố cháy nổ phải báo ngay cho toàn Cơ sở biết bằng hệ thống đèn báo.

- Cắt điện tại khu vực cháy.
- Triển khai các biện pháp chữa cháy bằng các dụng cụ, thiết bị có tại Cơ sở.
- Thông báo cho cơ quan PCCC đến chữa cháy.

2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Hằng ngày yêu cầu đội vệ sinh thu gom rác thải từ các khu vực phát sinh để tập kết về thùng chứa đặt trong kho chứa rác thải.

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải.

- Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải.

- Các thùng chứa rác thải phải là loại có nắp đậy, có dung tích đủ để lưu chứa chất thải phát sinh.

- Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài.